

vợ tên Nguyễn Thị N và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay (Có mặt).

3. Vũ Văn T (Tên gọi khác: A), sinh năm 1988, tại tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký HKTT: huyện N, tỉnh Kon Tum; chỗ ở: Không ổn định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Đinh Thị L; có vợ tên Lê Thị Tường Q và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-4-2017 đến nay (Có mặt).

4. Vũ Văn H1 (Tên gọi khác: HH), sinh năm 1985, tại tỉnh Thái Bình; trú tại: xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Viết H và bà Hồ Thị L; có vợ tên Nguyễn Thị Thùy T và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 04-4-2017 đến ngày 26-01-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” cho đến nay (Có mặt).

5. Nguyễn Thị D, sinh năm 1978, tại tỉnh Nghệ An; trú tại: xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị K; có chồng tên Nguyễn Minh C và 04 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 20-4-2017 đến ngày 09-6-2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” cho đến nay (Có mặt).

6. Trần Kim Q, sinh năm 1991, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký HKTT: tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Kim L và bà Lê Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14-4-2017 đến nay (Có mặt).

7. Lương Văn L (Tên gọi khác: T), sinh năm 1979, tại tỉnh Hòa Bình; Nơi đăng ký HKTT: tỉnh Hòa Bình; chỗ ở: xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Đ và bà Hà Thị X; có vợ tên Lương Thị H và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay (Có mặt).

8. A N, sinh 1987, tại tỉnh Kon Tum; Trú tại: Thôn I, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kdong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A D và bà Y T; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay (Có mặt).

9. Thao B, sinh năm 1993, tại tỉnh Kon Tum; Nơi đăng ký HKTT: xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; chỗ ở: Thôn I, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: KĐong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thao Đ và bà Y C; có vợ tên Y D và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay (Có mặt)

- *Người bị hại:* Ban quản lý Vườn quốc gia C. Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Sỹ C; Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý Vườn quốc gia C.

Ông Võ Sỹ C ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Đào Xuân T; Chức vụ: Phó giám đốc Ban quản lý Vườn quốc gia C (Ủy quyền theo Giấy ủy quyền tham gia phiên tòa số 04/GUQ-BQL ngày 25-02-2019). Có mặt.

Trong vụ án này còn có các bị cáo: Hà Văn T1, Ma Văn C, Trần Khắc Q, Đinh Văn T2, Đinh Văn H1, Thao T3, Thao Đ không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Doanh nghiệp tư nhân thương mại G; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Bích V; địa chỉ: Khu 2, Cụm cửa khẩu Quốc tế B, Thôn I, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Trần T4, sinh năm 1980; trú tại: xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

+ Anh Thao N2, sinh năm 1989; trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

+ Anh Thao N3, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

+ Anh Thao C; trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

+ Anh Thao T5, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Tà Ka, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

+ Anh Đặng Bá N4, sinh năm 1995; trú tại: Thôn I, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

+ Anh Bùi Thái C, sinh năm 1983; trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

+ Anh Lò Minh T6, sinh năm 1988; trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

+ Anh Ngô Văn T7, sinh năm 1978; trú tại: thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

+ A C, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

+ Thao P, sinh năm 1993; trú tại: Thôn I, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng

mặt).

- Anh Bùi Văn T8, sinh năm 1979; trú tại: xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

+ Anh Trương Văn D, sinh năm 1978; trú tại: xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

- Anh Hoàng Văn T9; trú tại: Thôn I, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vườn Quốc gia C thuộc tỉnh Kon Tum là rừng Đặc dụng với tổng diện tích là 56.249,23 ha; do Ban quản lý Vườn quốc gia C trực tiếp quản lý. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Vườn Quốc gia gồm Giám đốc kiêm Hạt trưởng Hạt kiểm lâm, 01 Phó Giám đốc kiêm Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm và 01 Hạt phó Hạt Kiểm lâm; 03 phòng ban chuyên môn và 02 đơn vị trực thuộc Hạt Kiểm Lâm Vườn quốc gia C, 13 Trạm quản lý, bảo vệ rừng (QLBVR) và 02 Tò Kiểm lâm cơ động trực thuộc. Trong đó, Trạm QLBVR B được giao quản lý, bảo vệ 3.226,53 ha rừng, thuộc lâm phần các tiểu khu 188A, 188, 192, 193; có nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát các phương tiện người ra vào trong phạm vi Vườn quốc gia, tạm thời đình chỉ hoặc tạm đình chỉ những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc những hoạt động có nguy cơ gây thiệt hại đến tài nguyên rừng trong Vườn quốc gia C.

Trong khoảng thời gian từ ngày 10 đến ngày 12-02-2017, Kiểm lâm Vùng 4 phối hợp với Chi Cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum tiến hành kiểm tra tại Tiểu khu 188, 187A lâm phần Vườn Quốc gia C; thuộc địa phận xã B, huyện N phát hiện việc khai thác gỗ trái phép với khối lượng lớn. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định có 100 cây gỗ với tổng khối lượng 634,20m³ bị khai thác trái phép. Chúng loại gỗ bị khai thác trái phép gồm Sao Xanh, Sao Cát, Dổi, Sến Mủ, Re Hương, SP thuộc gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm VIII. Trong đó, số gỗ còn lại hiện trường là 80 cây đã được cắt, xẻ thành 75 lóng gỗ tròn, 100 hộp gỗ, với tổng khối lượng gỗ quy tròn là 381,81m³; số lượng gỗ lấy đi khỏi rừng là 20 cây, với tổng khối lượng gỗ quy tròn là 252,40m³. Hiện trường khu vực khai thác gỗ trái phép nằm dọc theo tuyến đường tuần tra biên giới từ huyện S đến huyện N, tỉnh Kon Tum, thuộc Tiểu khu 188, 187A lâm phần do Trạm QLBVR B, Vườn Quốc gia C quản lý, bảo vệ.

1. Hành vi khai thác, vận chuyển, mua bán gỗ trái phép:

Trong khoảng thời gian cuối năm 2016 đến đầu năm 2017, lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo, thiếu trách nhiệm trong công tác tuần tra, kiểm tra rừng của Trạm QLBVR B, ba nhóm đối tượng đã vào Tiểu khu 188, 188A thuộc lâm phần Vườn quốc gia C để khai thác trái phép 37 cây gỗ với tổng khối lượng 161,179 m³ quy tròn. Cụ thể như

sau:

1.1. Nhóm Vũ Văn T, Trần Kim Q và Nguyễn Thị D:

Vào khoảng cuối năm 2016, Vũ Văn T, Trần Kim Q và Nguyễn Thị D đã bàn bạc, thống nhất về việc tìm thợ cưa vào Vườn Quốc gia C, thuộc Tiểu khu 188 khai thác gỗ để bán, lấy tiền chia nhau tiêu xài. T, Q là người trực tiếp thuê người đưa vào rừng để cắt hạ, xẻ hộp các cây gỗ, còn D ở nhà lo cơm nước và ứng tiền, chi tiền cho thợ cưa vào rừng xẻ gỗ và thu tiền khi Q, T mua gỗ chở về bán cho các xưởng gỗ trên địa bàn.

Để thực hiện, T, Q đã thuê và dẫn Thao T3 vào Vườn quốc gia C chỉ cây để cưa, cắt hạ, xẻ hộp các loại cây gỗ Dổi, gỗ Re Hương theo quy cách mà T đưa ra là hộp vuông, dài từ 2m đến 2,5m, rồi vận chuyển gỗ ra bìa rừng để T mua với giá từ 4,5 triệu đến 5 triệu đồng/1 m³. Sau đó, Thao T3 đã gọi thêm A N, Thao B đi phụ cưa cho Thao T3. Khi vào Tiểu khu 188, nhóm Thao T3 đã cưa hạ, xẻ hộp được 08 cây gỗ Dổi, Re Hương, sến Mủ với tổng khối lượng quy tròn là 44,270 m³. Trong đó, Thao T3, A N và Thao B đã cưa xẻ hộp và đưa ra bìa rừng giao lại cho T và Q được 11m³. Số lượng gỗ còn lại trong rừng là 26,67m³ quy tròn. Để vận chuyển gỗ ra bìa rừng, Thao T3 đã thuê Thao N2, A C, Thao P, Thao N3, Thao T5 dùng xe máy độ chế (xe sắt) để vận chuyển gỗ ra làm nhiều lần và tập kết tại khu vực bãi bằng với giá thỏa thuận là 200.000 đồng/1 ngày/1 người.

Với khối lượng gỗ nhóm của Thao T3 đã đưa ra bìa rừng là 11m³, được T thanh toán với số tiền 30.000.000 đồng. Sau đó, Thao T3 đã trả tiền thuê công cho A N 800.000 đồng, Thao B là 1.700.000 đồng và trả cho những người vận chuyển gỗ ra bìa rừng là Thao N2, A C, Thao N3, Thao T5, Thao P mỗi người là 600.000 đồng. Số gỗ này được T và Q vận chuyển về bán lại cho Nguyễn Văn H (ở Thôn I, xã B, huyện N) khối lượng là 7m³ gỗ hộp, với giá từ 10 triệu đến 11 triệu đồng/1m³, bán cho hai người có tên là G và Đ (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) với khối lượng là 4m³ gỗ hộp.

Cũng trong thời gian trên, T và Q thuê Thao Đ cưa xẻ gỗ với giá mua bán như thỏa thuận với nhóm Thao T3. Trên cơ sở đó, Thao Đ đã trực tiếp vào Tiểu khu 188 cắt hạ 04 cây gỗ Dổi khối lượng 8,183m³ quy tròn sau đó xẻ hộp được 4,5m³ rồi thuê A C, Thao N2 và Thao Lầu dùng xe máy độ chuyên vận chuyển gỗ ra bìa rừng để giao cho T, được T thanh toán số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó, Thao Đ đã trả tiền công vận chuyển cho A C, Thao N2, Thao Lầu tổng cộng là 3.000.000 đồng. Sau lần khai thác gỗ nói trên, Thao Đ còn thuê Thao T5, Thao N3, và A C vào Tiểu khu 188 để cắt hạ 01 cây gỗ Dổi với khối lượng quy tròn là 3,109 m³, nhưng sau đó cây gỗ này bị nhóm của Thao T3 tranh chấp nên Thao Đ bỏ không làm nữa. Như vậy, tổng số gỗ do nhóm của Thao Đ trực tiếp khai thác tại Tiểu khu 188 là 05 cây gỗ Dổi với tổng khối lượng là $(8,183\text{m}^3 + 3,109\text{m}^3) = 11,292\text{m}^3$ quy tròn. Với số gỗ đã xẻ hộp, nhóm của Thao Đ vận chuyển ra bìa rừng giao lại cho T, Q, sau đó được Q và T vận

chuyển về bán lại cho G, Đ (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) với khối lượng là $2,5\text{m}^3$ gỗ hộp; bán cho một người có tên là N (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) với khối lượng là 2m^3 gỗ hộp.

Như vậy, Vũ Văn T, Trần Kim Q, Nguyễn Thị D đã có hành vi khai thác, mua bán trái phép với tổng khối lượng $55,562\text{m}^3$ gỗ quy tròn, loại gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm VIII, thuộc rừng Đặc dụng. Đối với Thao T3, A N, Thao B có hành vi khai thác trái phép $44,270\text{m}^3$ quy tròn; Thao Đ có hành vi khai thác trái phép $11,292\text{m}^3$ quy tròn, loại gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm VIII, thuộc rừng Đặc dụng, là vượt mức tối đa xử phạt hành chính theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định 157/CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ.

Đối với các đối tượng Thao N2, A C, Thao N3, Thao T5, A C, Thao N2, Thao Lâu được Thao T3 và Thao Đ thuê vận chuyển gỗ từ trong rừng ra bìa rừng, trả công theo ngày và hành vi vận chuyển gỗ độc lập với nhau; các đối tượng Thao T5, Thao N3 và A C được Thao Đ thuê cắt hạ 01 cây gỗ Dổi với khối lượng $3,109\text{m}^3$ quy tròn, là chưa đủ khối lượng gỗ vận chuyển, khai thác trái phép để xử lý hình sự.

1.2. Nhóm của Vũ Văn H1:

Trong tháng 12/2016 (không nhớ ngày), H1 thuê Nguyễn Trần T4, Hoàng Văn T9 vào rừng Quốc gia C, thuộc Tiểu khu 188 cắt hạ, xẻ hộp 04 cây gỗ có tổng khối lượng $8,07\text{m}^3$ quy tròn. Sau đó, H1 tiếp tục thuê Đinh Văn H1, Đinh Văn T2, đối tượng tên T và đối tượng tên C (không rõ lai lịch, địa chỉ) vào rừng Quốc gia C, thuộc Tiểu khu 188 cắt hạ, xẻ hộp 02 cây gỗ Re Hương và xẻ hộp 10 cây gỗ Dổi, Re Hương đã bị người khác cắt hạ từ trước, nhưng chưa xẻ hộp có tổng khối lượng 15m^3 quy tròn (trong đó, C cắt hạ, xẻ gỗ; H phụ cưa cho C; T4 dùng máy tời gom gỗ và T9 là người phụ tời, gom gỗ cho T4). Ngoài ra, một mình Vũ Văn H1 trực tiếp cắt hạ, xẻ hộp 02 cây gỗ Re Hương, có khối lượng $3,219\text{m}^3$ quy tròn; thu gom 13m^3 gỗ quy tròn, loại gỗ Re Hương và Dổi do người khác cắt hạ, xẻ hộp để vận chuyển về bán cho người khác.

Số lượng gỗ nêu trên, Vũ Văn H1 thuê Lò Minh T6 sử dụng xe máy cày vận chuyển $4,5\text{m}^3$ gỗ xẻ hộp; thuê Trần Khắc Q sử dụng xe máy cày vận chuyển 15m^3 gỗ quy tròn; thuê Đinh Văn L và Đinh Văn T sử dụng xe máy cày vận chuyển 12m^3 gỗ xẻ hộp.

Theo lời khai của Vũ Văn H1, số gỗ trên H1 bán cho Ngô Quang T khoảng 15m^3 gỗ xẻ hộp; bán cho Bùi Thái C khoảng 20m^3 gỗ xẻ hộp; bán cho Trịnh Minh Q khoảng 7m^3 gỗ xẻ hộp.

Như vậy, Vũ Văn H1 có hành vi khai thác, mua bán trái phép $39,289\text{m}^3$ gỗ quy tròn, chủng loại gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm VIII thuộc rừng Đặc dụng; Đinh Văn H1, Đinh Văn T2 có hành vi khai thác trái phép 15m^3 gỗ quy tròn, chủng loại gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm VIII, rừng Đặc dụng; Trần Khắc Q có hành vi vận chuyển trái phép 15m^3 gỗ xẻ hộp (quy tròn 24m^3), loại gỗ thông thường

từ nhóm III đến nhóm VIII, rừng Đặc dụng, là vượt mức tối đa xử phạt hành chính theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị Định 157/CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ.

Đối với các đối tượng tên C, T có hành vi khai thác gỗ trái phép chưa xác định được lai lịch, địa chỉ; khi nào xác định được sẽ xử lý sau. Đối với các đối tượng Nguyễn Trần T4, Hoàng Văn T9 có hành vi khai thác 8,07m³ quy tròn, loại gỗ thông thường là chưa đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với các đối tượng Đinh Văn L và Đinh Văn T có hành vi vận chuyển trái phép 12m³ gỗ xẻ hộp, loại gỗ thông thường, hiện nay các đối tượng này đã bỏ trốn hơn nữa Cơ quan điều tra chỉ thu thập được lời khai của Vũ Văn H1 ngoài ra không còn chứng cứ nào khác, nên chưa đủ căn cứ để xử trách nhiệm hình sự các đối tượng này, khi nào xác định được Cơ quan điều tra sẽ xử lý sau.

1.3. Nhóm của Hà Văn T1:

Cũng trong khoảng thời gian cuối năm 2016 (tháng 12 âm lịch), Hà Văn T1 đặt vấn đề thuê Ma Văn C vào Tiểu khu 188 thuộc lâm phần Vườn quốc gia C để cưa, xẻ gỗ cho T1 theo quy cách xẻ hộp vuông kích thước nhiều loại khác nhau, dài từ 3,5m đến 4 m, T1 sẽ trả cho C 800.000đồng/m³ gỗ hộp và được C đồng ý. Sau khi thống nhất, Ma Văn C đã gọi thêm Lương Văn L đi phụ cưa gỗ cùng, việc trả công được C thống nhất với L là T1 trả 800.000 đồng/m³ gỗ hộp, sau khi trừ chi phí đi làm ở rừng còn lại sẽ chia đôi cho C và L, được L đồng ý. C và L theo sự chỉ dẫn của T1 vào Tiểu khu 188 thuộc lâm phần Vườn quốc gia C cắt hạ 06 cây gỗ Sao Cát và 01 cây gỗ Dổi với tổng khối lượng quy tròn là 65,853m³. Sau đó, C, L xẻ hộp được 01 cây gỗ Dổi và 03 cây gỗ Sao Cát với khối lượng khoảng 20 m³ gỗ hộp, rồi gọi điện cho T1 vào rừng vận chuyển. Còn lại 03 cây gỗ Sao Cát đã được cắt hạ nhưng không được xẻ hộp do T1 báo có lực lượng Kiểm lâm đi kiểm tra. Số lượng gỗ đã xẻ hộp nêu trên đã được T1 cùng với Đặng Văn B trực tiếp dùng xe máy cày tời và thu gom vận chuyển về bán lại cho đối tượng tên N (chưa xác định lai lịch, địa chỉ) được khoảng 12 m³, với số tiền 74.000.000 đồng. T1 trả tiền công cho Ma Văn C 17.000.000 đồng và trả cho Đặng Văn B 1.400.000 đồng.

Như vậy, Hà Văn T1 có hành vi khai thác, mua bán trái phép 65,853m³ gỗ quy tròn, loại gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm VIII, thuộc rừng Đặc dụng. Ma Văn C, Lương Văn L có hành vi khai thác trái phép 65,853m³ gỗ quy tròn, loại gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm VIII, thuộc rừng Đặc dụng, là vượt mức tối đa xử phạt hành chính theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị Định 157/CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ.

Đối với đối tượng Đặng Văn B có hành vi cùng với Hà Văn T1 tời và vận chuyển 12 m³ gỗ hộp để bán lại cho N. Quả trình điều tra Biên và T1 thừa nhận có tời và vận chuyển số lượng gỗ này. Cơ quan điều tra chỉ lấy được lời khai ban đầu, hiện nay B đã bỏ trốn, nên chưa củng cố được chứng cứ vững chắc, khi nào có đủ căn cứ

sẽ xử lý sau. Đối với đối tượng tên N có hành vi mua 12 m³ gỗ xẻ hộp của Hà Văn T1, Cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch, địa chỉ, khi nào xác định được sẽ điều tra, xử lý sau.

2. Hành vi đưa, nhận hối lộ:

Đề đưa được người vào tiểu khu 188, 188A, vườn Quốc gia C khai thác gỗ trái phép như trên, khoảng cuối năm 2016, Vũ Văn T đã trực tiếp liên hệ đưa số tiền 5.000.000 đồng cho Hồ Vĩnh K là Trạm trưởng Trạm QLVR B, thuộc Ban quản lý vườn Quốc gia C, với mục đích xin K làm ngơ để T đưa nhóm Thao T3 và Thao Đ vào rừng khai thác gỗ trái phép. Cũng trong khoảng thời gian nêu trên, Vũ Văn H1 tìm gặp, đưa 4.000.000 đồng cho K, để K tạo điều kiện cho H1 được đưa người vào Tiểu khu 188, 188A, vườn Quốc gia C khai thác gỗ trái phép.

3. Hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng:

Ngày 17/02/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Kon Tum Quyết định trưng cầu giám định thiệt hại 100 cây gỗ bị khai thác trái phép tại Tiểu khu 187A, 188 Vườn Quốc gia C. Bản kết luận định giá số 01/KL-ĐG ngày 20/3/2017 của H1 đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Kon Tum xác định 100 cây gỗ bị khai thác trái phép, với khối lượng 634,20 m³ gỗ, có giá trị là 3.816.438.000 đồng.

Khu vực cây rừng bị khai thác trái phép nêu trên, thuộc lâm phần quản lý bảo vệ của Trạm kiểm lâm do Hồ Vĩnh K làm Trạm trưởng; Tiểu khu 188A, 188 có cây rừng bị khai thác trái phép do Hoàng Quốc H (Viên chức Kiểm lâm Trạm B) trực tiếp quản lý, bảo vệ. Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2016 đến đầu năm 2017, Hồ Vĩnh K đã không chỉ đạo tuần tra, kiểm tra; Hoàng Quốc H không trực tiếp đi tuần tra, kiểm tra, để ngăn chặn kịp thời các đối tượng khai thác trái phép cây rừng, dẫn đến các nhóm đối tượng vào rừng khai thác gỗ trái phép gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Bản cáo trạng số: 01/CT-VKS-P2 ngày 09-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã truy tố: Bị cáo Hồ Vĩnh K về tội: “*Nhận hối lộ*”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội: “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”, theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự 1999; truy tố bị cáo Vũ Văn T và bị cáo Vũ Văn H1 về tội: “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 175 và tội: “*Đưa hối lộ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Hoàng Quốc H về tội: “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”, theo khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự 1999; truy tố các bị cáo: Trần Kim Q, Nguyễn Thị D, Thao T3, A N, Thao B, Trần Khắc Q, Hà Văn T1, Ma Văn C, Lương Văn L, về tội: “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố các bị cáo: Đình Văn H1, Đình Văn T2, Thao Đ, về tội: “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999.

*** Vật chứng vụ án gồm:**

1. Số gỗ bị khai thác trái phép còn tại hiện trường thuộc Tiểu khu 188, 187A lâm phần Vườn quốc gia C hiện đang được giao cho BQL Vườn quốc gia C trông coi, bảo quản gồm:

- Gỗ tròn: gồm 75 lóng có khối lượng 268,59 m³, chủng loại Sao xanh, Sao cát, Dổi, Sến mù, SP từ nhóm III đến nhóm VIII thuộc loại gỗ thông thường.

- Gỗ xẻ hộp gồm 100 hộp; khối lượng 70,76 m³ tương ứng 113,21 m³ gỗ tròn, chủng loại Sao xanh, Sao cát, Dổi, Sến mù, Re Hương, SP từ nhóm III đến nhóm VIII thuộc loại gỗ thông thường.

2. Công cụ, phương tiện do các bị cáo sử dụng trong việc khai thác, vận chuyển gỗ trái phép, Cơ quan điều tra đã tạm giữ gồm: 01 xe máy cày ghi Mishumitshi 5200; 02 xe máy độ chế (không có biển kiểm soát); 02 cửa lốc; 07 chiếc điện thoại.

Quá trình điều tra các bị cáo đã nộp tiền cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, cụ thể: Bị cáo Hồ Vĩnh K nộp 14.500.000 đồng; Nguyễn Thị D nộp 4.000.000 đồng; Thao Đ nộp 3.000.000 đồng; Ma Văn C, Lường Văn L mỗi người nộp 5.000.000 đồng, bị cáo Trần Khắc Q nộp 4.000.000 đồng, Vũ Văn T nộp 1.000.000 đồng (vợ bị cáo T nộp thay). Các bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum gồm: Hoàng Quốc H, Vũ Văn H1, Thao T3, Hà Văn T1, Đinh Văn H1 và Đinh Văn T2, mỗi người đã nộp 5.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 08/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Tuyên bố:

- Các bị cáo: Trần Kim Q, Nguyễn Thị D, A N, Thao B, Lường Văn L phạm tội: *“Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”*;

- Các bị cáo: Vũ Văn T, Vũ Văn H1 phạm các tội: *“Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”*, *“Đưa hối lộ”*;

- Bị cáo Hồ Vĩnh K phạm các tội: *“Nhận hối lộ”*, *“Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”*;

- Bị cáo Hoàng Quốc H phạm tội: *“Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”*.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 354; các điểm b và s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Hồ Vĩnh K 05 (Năm) năm tù về tội *“Nhận hối lộ”*.

Áp dụng khoản 2 Điều 285 (nay là Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015); các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Hồ Vĩnh K 03 (Ba) năm tù về tội *“Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”*.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tổng hợp hình phạt 05 năm tù về tội “Nhận hối lộ” và 03 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, buộc bị cáo Hồ Vĩnh K phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam (từ ngày 28-02-2017 đến ngày 23-11-2017).

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 04 (Bốn) năm tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 01 (Một) năm tù về tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tổng hợp hình phạt 01 năm tù về tội “Đưa hối lộ” và 04 năm tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”, buộc bị cáo Vũ Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 04-4-2017).

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 04 (Bốn) năm tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 01 (Một) năm tù về tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm tù về tội “Đưa hối lộ” và 04 (Bốn) năm tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”, buộc bị cáo Vũ Văn H1 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam (từ ngày 04-4-2017 đến ngày 26-01-2018).

Áp dụng khoản 2 Điều 285 (nay là Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015); các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Trần Kim Q 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 14-4-2017).

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày 08-3-2019.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo A N 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Thao B 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Lường Văn L (tên gọi khác: Tuấn) 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên tội danh và hình phạt đối với các bị cáo: Hà Văn T1, Ma Văn C, Trần Khắc Q, Đinh Văn T2, Đinh Văn H1, Thao T3, Thao Đ; về dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 5/4/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 13/QĐ-VC2, kháng nghị bản án sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 8/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, cho rằng cấp sơ thẩm chưa xem xét hành vi đưa hối lộ đối với các bị cáo Nguyễn Thị D và Trần Kim Q; chưa điều tra làm rõ thiệt hại do hành vi nhận hối lộ của bị cáo Hồ Vĩnh K gây ra để áp dụng tình tiết định khung tăng nặng. Do đó, đề nghị Tòa phúc thẩm xử huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Hồ Vĩnh K, Vũ Văn T, Vũ Văn H1, Lường Văn L kháng cáo xin giảm hình phạt; các bị cáo Thao B, Hoàng Quốc H, A N kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị H1 đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự: Huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, HĐ đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên Quyết định kháng nghị, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, thấy rằng: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 08/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, áp dụng khoản 2 Điều 354 BLHS 2015, khoản 2 Điều 285 BLHS năm 1999 (nay là Điều 360 BLHS năm 2015), xử phạt Hồ Vĩnh K 05 năm tù về tội “Nhận hối lộ”, 03 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”; Áp dụng khoản 2 Điều 175 BLHS năm 1999 (nay là Điều 232 BLHS năm 2015) xử phạt Trần Kim Q 03 năm tù, xử phạt Nguyễn Thị D 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo cùng về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”. Bản án sơ thẩm sơ thẩm tuyên phạt Nguyễn Thị D và Trần Kim Q về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên chưa xem xét hành vi đưa hối lộ là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Thị D, Trần Kim Q có sự bàn bạc thống nhất việc thuê người khai thác gỗ trái phép, trong đó Nguyễn Thị D là người chịu trách nhiệm việc thu, chi tiền; Vũ Văn T và Trần Kim Q quản lý việc khai thác, vận chuyển, tiêu thụ gỗ, số tiền thu được sau khi trừ chi phí còn lại chia nhau sử dụng. Tại biên bản ghi lời khai (BL 771,772,773) Nguyễn Thị D khai: Tôi và T , Q thống nhất bàn bạc làm gỗ trong vườn bảo tồn để kiếm tiền. Việc lập sổ theo dõi, chi ứng tiền cho Q và T và chi thanh toán tiền bán gỗ là do tôi lập, ghi chép và quản lý. Tại biên bản hỏi cung bị can ngày 25/4/2017 (BL 803), Trần Kim Q thừa nhận: Sau khi thống nhất khai thác gỗ trái phép tại rừng quốc gia C thì tôi, anh T và chị D không phân công rạch ròi mà tùy năng lực của từng người. Chị D là người theo dõi sổ sách về khối lượng gỗ, chi phí và cho ứng tiền. Anh T lo luật lá (có nghĩa là quan hệ với các cơ quan chức năng để được làm gỗ), tôi có nhiệm vụ tìm quân (thợ cưa, xẻ) để đưa vào rừng làm. Tại bút lục 806, Trần Kim Q khai: Để được vào khai thác gỗ thì phải đưa tiền cho trạm trưởng bảo vệ rừng B, cụ thể là đưa cho anh K. Anh T là người trực tiếp đưa cho anh K trạm trưởng năm triệu đồng trước khi Thao T3 vào làm.

Như vậy, việc Vũ Văn T đưa hối lộ cho Hồ Vĩnh K thì Nguyễn Thị D và Trần Kim Q đều biết nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét về hành vi đưa hối lộ đối với các bị cáo Nguyễn Thị D và Trần Kim Q, mà chỉ mới xem xét xử lý đối với Vũ Văn T là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

[3] Bị cáo Hồ Vĩnh K bị kết án về tội “Nhận hối lộ” là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ, chưa xác định thiệt hại do hành vi nhận hối lộ gây ra để áp dụng tình tiết định khung tăng nặng là chưa đầy đủ.

Từ những phân tích và lập luận trên, H1 đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng Kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ chấp nhận, huỷ một phần bản án sơ thẩm. Huỷ phần tội danh và hình phạt về tội “Đưa hối lộ” và “Nhận hối lộ” đối với các bị cáo Vũ Văn T, Hồ Vĩnh K, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát tỉnh Kon Tum để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo có kháng cáo thừa nhận hành vi và tội danh như cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2016 đến đầu năm 2017 (thời điểm trước, trong và sau tết Nguyên đán 2017), lợi dụng sự buông lỏng, thiếu trách nhiệm trong quản lý, tuần tra, kiểm tra của Trạm QLVR B, các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn H1, Trần Kim Q, Nguyễn Thị D, Thao T3, Thao Đ, A N, Thao B, Đinh Văn H1, Đinh Văn T2, Trần Khắc Q, Hà Văn T1, Ma Văn C, Lường Văn L, đã tự ý vào Tiểu khu 188, 188a thuộc lâm phần Vườn quốc gia C tại địa giới hành chính xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum để khai thác, vận chuyển, mua bán trái phép tổng cộng 100 cây gỗ loại thông thường thuộc các nhóm từ nhóm III đến nhóm VIII. Hành vi cụ thể của từng bị cáo như sau:

Đối với nhóm các bị cáo Vũ Văn T, Trần Kim Q và Nguyễn Thị D: Cuối năm 2016, sau khi bàn bạc T, Q và D thống nhất thuê người khác vào Vườn Quốc gia C khai thác gỗ để bán, lấy tiền. Trên cơ sở đó, 03 bị cáo đã thuê nhóm người của Thao T3 và nhóm người của Thao Đ khai thác, mua bán trái phép với tổng khối lượng 55,562m³ gỗ quy tròn các loại từ nhóm III đến nhóm VIII. Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11-11-2013 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC, ngày 08-3-2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao, hành vi của Vũ Văn T, Trần Kim Q và Nguyễn Thị D đã phạm vào tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với các bị cáo Thao T3, A N và Thao B: Khi được Vũ Văn T và Trần Kim Q thuê, đã rủ nhau vào tiểu khu 188 Vườn quốc gia C khai thác 44,270m³ gỗ quy tròn, loại gỗ thuộc nhóm III đến nhóm VIII. Hành vi này của Thao T3, A N và Thao B đã phạm vào tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Thao Đ được Vũ Văn T và Trần Kim Q thuê khai thác khối lượng gỗ 11,292m³ thuộc nhóm III đến nhóm VIII. Hành vi này của Thao Đ đã phạm vào tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo Vũ Văn H1: Khoảng tháng 12/2016, Vũ Văn H1 thuê người khác vào Tiểu khu 188 thuộc rừng đặc dụng C khai thác gỗ với tổng khối lượng là

39,289m³ gỗ quy tròn, loại gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm VIII. Hành vi này của Vũ Văn H1 đã phạm vào tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với các bị cáo Đinh Văn H1 và Đinh Văn T2: Được Vũ Văn H1 thuê khai thác, vận chuyển khối lượng gỗ 15m³ quy tròn, loại gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm VIII tại Tiểu khu 188 thuộc rừng đặc dụng C. Hành vi của Đinh Văn H1 và Đinh Văn T2 đã phạm vào tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo Hà Văn T1: Cũng trong khoảng thời gian cuối năm 2016, Hà Văn T1 đã thuê người khác vào Tiểu khu 188 thuộc lâm phần Vườn quốc gia C để cưa, xẻ gỗ cho T1 để T1 bán lại cho người khác với tổng khối lượng là 65,853m³ gỗ quy tròn, loại gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII. Hành vi đó của Hà Văn T1 đã phạm vào tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Ma Văn C và bị cáo Lương Văn L là người được Hà Văn T1 thuê khai thác trái phép 65,853m³ gỗ quy tròn, loại gỗ thông thường từ nhóm III đến nhóm VIII, thuộc Vườn quốc gia C. Hành vi của Ma Văn C và Lương Văn L đã phạm vào tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo Hồ Vĩnh K và bị cáo Hoàng Quốc H: Khu vực cây rừng (Tiểu khu 188 và 188a) bị 03 nhóm đối tượng Hà Văn T1, Vũ Văn H1 và Vũ Văn T khai thác trái phép, thuộc lâm phần quản lý, bảo vệ của Trạm kiểm lâm B do bị cáo Hồ Vĩnh K làm Trạm trưởng, bị cáo Hoàng Quốc H (Viên chức Kiểm lâm Trạm B) là người được phân trực tiếp quản lý bảo vệ. Để xảy ra tình trạng các cây gỗ bị khai thác trái phép có nguyên nhân là do Hồ Vĩnh K đã không chỉ đạo tuần tra, kiểm soát; Hoàng Quốc H không trực tiếp đi tuần tra, kiểm tra. Bản kết luận định giá số 01/KL-ĐG ngày 20/3/2017 của H1 đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Kon Tum xác định tổng trị giá 634,20 m³ gỗ bị khai thác trái phép là 3.816.438.000 đồng. Do đó, hành vi trên của Hồ Vĩnh K và Hoàng Quốc H đã phạm vào tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngoài ra, để đưa được người vào rừng đặc dụng C khai thác gỗ trái phép, khoảng cuối năm 2016, Vũ Văn T đã liên hệ, đưa cho Hồ Vĩnh K là Trạm trưởng Trạm QLVR B số tiền 5.000.000 đồng, Vũ Văn H1 đã đưa cho Hồ Vĩnh K 4.000.000 đồng, với mục đích xin K làm ngơ để T, H1 đưa người khác vào các Tiểu khu 188 và 188a Vườn quốc gia Chu Mom Ray khai thác gỗ trái phép. Hành vi đưa tiền vừa nêu của Vũ Văn T, Vũ Văn H1 đã phạm vào tội “*Đưa hối lộ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 289 Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi nhận tiền (từ Vũ Văn T 5.000.000 đồng, Vũ Văn H1 4.000.000 đồng) của bị cáo Hồ Vĩnh K đã phạm vào tội “*Nhận hối lộ*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 279 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối

với hành vi nhận hối lộ của bị cáo Hồ Vĩnh K đối chiếu Điều 279 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 354 của Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt như nhau nên truy tố và xét xử bị cáo Hồ Vĩnh K theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp, đúng pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về các tội danh như Viện kiểm sát truy tố là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi và tội danh như cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

[5] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Hồ Vĩnh K, Vũ Văn T, Vũ Văn H1, Lương Văn L, thấy rằng: Hồ Vĩnh K là người được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng tại các tiểu khu 188, 188a thuộc vườn quốc gia C nhưng đã thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện công vụ, buông lỏng công tác tuần tra, bảo vệ rừng, tạo điều kiện cho các bị cáo khác thực hiện việc khai thác trái phép với số lượng đông người; bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn H1 biết rừng đặc dụng bị cấm mọi hành vi khai thác nhưng do hám lợi nên T và H1 vẫn tìm cách thuê và đưa người vào khai thác trái phép; Đối với Lương Văn L tuy biết hành vi khai thác gỗ bị cấm nhưng do hám lợi nên khi được các bị cáo khác lôi kéo tham gia thì đã thực hiện tích cực. Các bị cáo đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 của điều luật (K - khoản 2 Điều 285; T, H1, L - khoản 2 Điều 175). Bị cáo T, H1 còn đưa hối lộ, chứng tỏ cố ý thực hiện bằng được tội phạm, là người khởi xướng, lôi kéo các bị cáo khác thực hiện tội phạm. Mặt khác, khi xét xử sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để xem xét giảm hình phạt. Riêng bị cáo Vũ Văn H1 chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt nhưng cấp sơ thẩm chưa cá thể hoá hình phạt, xử bằng bị cáo có nhân thân không tốt là chưa phù hợp nên H1 đồng ý xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Hoàng Quốc H, Thao B và A N, thấy: Hoàng Quốc H là người được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng nhưng chưa làm hết trách nhiệm, buông lỏng công tác tuần tra, quản lý để cho các bị cáo khác vào khai thác, vận chuyển trái phép lâm sản. Các bị cáo Thao B và A N tuy biết việc khai thác gỗ trong vườn đặc dụng là bị cấm nhưng do hám lợi nên khi được các bị cáo khác lôi kéo thì tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Huy bị truy tố xét xử theo khoản 2 Điều 285, bị cáo Thao B, A N bị xét xử theo khoản 2 Điều 175 và khi xét xử sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, giai đoạn phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

Từ những phân tích và lập luận trên, H1 đồng ý xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, huỷ một bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt

của tội “Đưa hối lộ” và “Nhận hối lộ” đối với bị cáo Hồ Vĩnh K và bị cáo Vũ Văn T; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Vĩnh K, Vũ Văn T, Lương Văn L, Thao B, Hoàng Quốc H, A N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn H1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm cho bị cáo Vũ Văn H1 một phần hình phạt.

Kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lương Văn L, Thao B, Hoàng Quốc H, A N phải chịu án phí phúc thẩm hình sự; kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Vũ Văn H1 không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH về án phí lệ phí Tòa án.

Phần bản án sơ thẩm bị huỷ liên quan đến bị cáo Hồ Vĩnh K, Vũ Văn T nên hai bị cáo này không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 ; điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Huỷ bản án sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 08-3-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum về phần tội danh: “Đưa hối lộ”; “Nhận hối lộ” và hình phạt đối với các bị cáo Vũ Văn T và Hồ Vĩnh K, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

2.Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự : Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Vĩnh K, Vũ Văn T, Lương Văn L, Thao B, Hoàng Quốc H, A N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 285 (nay là Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015); các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Hồ Vĩnh K 03 (Ba) năm tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam (từ ngày 28-02-2017 đến ngày 23-11-2017).

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 04 (Bốn) năm tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 4 tháng 4 năm 2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Lường Văn L (tên gọi khác: Tuấn) 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Thao B 02 (Hai) năm tù, về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 285 (nay là Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015); các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc H 02 (Hai) năm tù, về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo A N 02 (Hai) năm tù, về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Trần Kim Q 03 (Ba) năm tù, về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 14-4-2017).

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày 08-3-2019, về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn H1, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 175 (nay là Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 01 (Một) năm tù về tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm tù về tội “Đưa hối lộ” và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”, buộc bị cáo Vũ Văn H1 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam (từ ngày 04-4-2017 đến ngày 26-01-2018).

4. Về án phí phúc thẩm hình sự: Các bị cáo Lương Văn L, Thao B, Hoàng Quốc H, A N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Cường